TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC** Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST Ngày 18/9/2017 "V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"giữa chị Đỗ Thị G và anh Nguyễn Đình C	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Điểu Phương
2. Hà Xuân Thuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị G, sinh năm 1984 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nguyên đơn, bị đơn cùng trú tại: Thôn X, xã G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Đỗ Thị G trình bày:

Chị G và anh C sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G1, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước (nay là Ủy ban nhân dân phường G1, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước) vào ngày 04 tháng 5 năm 2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên rượu chè, say xỉn về chửi mắng vợ con, đập phá đồ đạc trong gia đình, không lo làm ăn. Chị G nhiều lần khuyên can nhưng anh C vẫn không thay đổi tính tình nên vào

tháng 8 năm 2016, chị có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh C, thì anh C hứa sửa đổi, lo làm ăn, có trách nhiệm với gia đình thì chị G rút đơn, vợ chồng đoàn tụ. Nhưng anh C không sửa đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung nên khoảng tháng 4 năm 2017 chị G và anh C đã tự sống ly thân và chị G làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình C.

Quá trình chung sống chị G và anh C có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài T sinh ngày 04/02/2004 và cháu Nguyễn Đình H sinh ngày 14/6/2007. Nguyện vọng chị G khi ly hôn được quyền trực tiếp nuôi con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án thì anh C đến huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xin việc làm, không cung cấp địa chỉ và thu nhập nên ngày 31/7/2017, chị G rút yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Đình C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không có ý kiến của anh C.

Tại phiên tòa: Chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cung cấp hiện nay anh C đang làm thợ xây ở Đồng Xoài, còn cụ thể anh làm cho ai, ở đâu, thu nhập như thế nào thì chị không rõ. Anh C thi thoảng có về thăm con một vài ngày rồi lại đi, chị có thông báo cho anh C biết việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử nhưng anh C không có ý kiến gì.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Đỗ Thị G khởi kiện yêu cầu "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với anh Nguyễn Đình C đang cư trú tại thôn X, xã G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Đình C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định

tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[2] Chị G và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G1, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 04/5/2004, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, nguyên đơn cung cấp và trình bày vào tháng 8 năm 2016 nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đến Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, nhưng sau đó lại rút đơn khởi kiện, vợ chồng đoàn tụ, nhưng chung sống vẫn không có hạnh phúc, do anh C thường xuyên rượu chè về chửi mắng vợ con, làm cho không khí gia đình ngột ngạt, ảnh hưởng đến tâm lý của các con chung, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi các đương sự cư trú cung cấp thì vợ chồng anh chị G C có mâu thuẫn cãi nhau nhưng không yêu cầu Ban chấp hành thôn hòa giải nên không rõ mâu thuẫn như thế nào. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng trên thực tế nguyên đơn và bị đơn đã không còn sống chung với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau; bị đơn biết nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không đến tham gia các buổi làm việc cũng như hòa giải, từ đó có thể thấy bị đơn không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những nhận định trên, xét thấy không cần thiết phải xác minh thêm về nguyên nhân mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn, mà cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Đỗ Thị G.

[4] *Về con chung:* xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung của nguyên đơn. Xét thấy, tại biên bản xác minh ngày 17/7/2017, thì anh C làm nghề phụ hồ với mức tiền công tại nơi cư trú là 300.000đ/ngày và hiện nay anh C đã đến huyện Bù Đăng để đi làm. Chị G cũng thừa nhận anh C đã đi Bù Đăng từ đầu tháng 7, đến cuối tháng 8 thì đi làm thợ xây tại thị xã Đồng Xoài nhưng không rõ anh C ở đâu, thu nhập như thế nào, thi thoảng có về thăm nhà từ một đến hai ngày rồi lại đi. Khi còn ở nhà thì anh C làm phụ hồ, tiền công 270.000đ/ngày nhưng không có việc làm ổn định, thường xuyên. Chị G thì làm công nhân phân loại điều, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000đ/tháng (Năm triệu đồng). Khi không có hàng (điều) chủ xưởng cho nghỉ thì chị đi làm phục vụ tiếp tân đám cưới với thù lao từ 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) đến 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay anh C không có ở địa phương, không rõ nơi ở mới và thu nhập, đồng thời trong thời gian qua chị G vẫn đảm bảo tốt các quyền và lợi ích hợp pháp cho con chung; mặt khác, tại các biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2017 các con chung của chị G, anh C đều có nguyện vọng được ở với mẹ nếu giải quyết cho chị G, anh C ly hôn. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung của chị G, giao các con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các

con chung đủ 18 tuổi. Bị đơn không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị G trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, chị Đỗ Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Đình C.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Hoài T sinh ngày 04/02/2004 và cháu Nguyễn Đình H sinh ngày 14/6/2007 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu T, H đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị G phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị G đã nộp theo biên lai thu tiền số 000xxxx ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 18/9/2017; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND phường G1;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt